

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/DS-PT

Ngày: 17 – 09 – 2025

Về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Tùng

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Lệ Thu, bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 09 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2026/TLPT-DS ngày 20/08/2026 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2026/DS-ST ngày 26/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Tĩnh bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2026/QĐXX-PT ngày 04/9/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1999; Địa chỉ cư trú: Thôn N (thôn E cũ), xã H, tỉnh Hà Tĩnh, (vắng mặt). Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: Thôn N (thôn E cũ), xã H, tỉnh Hà Tĩnh, (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Viết L, sinh năm 1990 và chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1996; Đều có địa chỉ cư trú: Thôn N (thôn E cũ), xã H, tỉnh Hà Tĩnh, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản trình bày ý kiến của ông Nguyễn Tiến D là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Tuấn A, nguyên đơn: Năm 2021, gia đình ông D có mua mảnh đất của ông Phan Văn Đ ở thôn A, xã H, sau đó, đã tặng cho con trai là anh Nguyễn Tuấn A, hiện nay là thửa đất số 366 tờ bản đồ số 41 với diện tích 98,4m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 418628 ngày 21/9/2021 mang tên Nguyễn Tuấn A. Đến năm 2023, anh L và chị M là chủ

sử dụng mảnh đất liền kề xây nhà đã lấn chiếm $0,34\text{m}^2$ ở phần móng nhà và 5m^2 phần trên không. Ông D đã làm đơn đến UBND xã H (cũ) nay là UBND xã H nhưng anh Nguyễn Viết L và chị Nguyễn Thị M không đồng ý trả lại diện tích đất và không gian lấn chiếm. Nay, ông D đại diện cho anh Nguyễn Tuấn A yêu cầu Toà án buộc của anh Nguyễn Viết L và chị Nguyễn Thị M phải cắt dỡ phần mái trên không khoảng 5m^2 và phần móng nhà là $0,34\text{m}^2$ để trả lại phần đất đã lấn chiếm cho anh Nguyễn Tuấn A. Sau khi Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản tranh chấp, ông Nguyễn Tiến D rút yêu cầu đòi cắt dỡ phần móng nhà để trả lại phần đất $0,34\text{m}^2$ đã lấn chiếm, mà chỉ yêu cầu anh Nguyễn Viết L và chị Nguyễn Thị M phải cắt dỡ phần mái nhà trên không diện tích $6,2\text{m}^2$ (theo thẩm định) để trả lại phần đã lấn chiếm trên không cho anh Nguyễn Tuấn A.

Bị đơn anh Nguyễn Viết L và chị Nguyễn Thị M trình bày: Thửa đất số 245 tờ bản đồ số 41, diện tích $169,6\text{m}^2$ địa chỉ thôn E xã H (cũ) nay là thôn E, xã H của vợ chồng anh L – chị M có được do hai vợ chồng mua năm 2016, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 654623 ngày 14/11/2019 mang tên anh Nguyễn Viết L và chị Nguyễn Thị M. Đến năm 2023, hai vợ chồng anh L – chị M tiến hành xây nhà, lúc làm móng thì có sự chứng kiến của ông D (cha anh Nguyễn Tuấn A), ông D cũng giăng dây để phân chia ranh giới cho nhau, việc làm móng nhà đúng ranh giới theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay mới có đề nghị cơ quan có thẩm quyền đo đạc, xác định ranh giới. Tại phiên toà bị đơn thừa nhận có lấn chiếm phần mái nhà trên không sang đất của anh Nguyễn Tuấn A là do thợ xây làm mái lấn sang, nhưng chưa có phương án tháo dỡ.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 19/01/2026 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và thành lập hội đồng định giá tài sản theo đơn yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời tiến hành làm việc với cơ quan chức năng về quản lý đất đai để xác minh, thu thập các chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã xác định tài sản đang có tranh chấp: Thửa đất số 336 tờ bản đồ số 41, diện tích $98,4\text{m}^2$, địa chỉ thôn E, xã H, tỉnh Hà Tĩnh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 418626 có tứ cận: Phía bắc giáp hành lang đường dân cư, phía nam giáp đất anh Nguyễn Viết L đã xây dựng nhà kiên cố, phía tây giáp đất ông Nguyễn Tiến D đã xây dựng nhà kiên cố. Phần mái giáp ranh thửa đất nhà anh Nguyễn Viết L có đổ bê tông lợp mái ngói lấn sang phần không gian phía trên thửa đất với diện tích $6,2\text{m}^2$ (có sơ

đồ toạ độ thẩm định kèm theo). Phần mái ngói lấn sang phần không gian phía trên thửa đất diện tích 6,2m² có trị giá: 8.730.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 03/2026/DS-ST ngày 26/6/2026, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Tĩnh đã quyết định:

Căn cứ Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 11; Điều 26; khoản 1 Điều 31; Điều 236 Luật Đất đai năm 2024; Điều 155; 156; 158, 163, 164, 166, 174, 175, 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều a khoản 1 Điều 24; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn anh **Nguyễn Viết L** và chị **Nguyễn Thị M** trả lại là 0,34m² đất đã lấn chiếm. Nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Nguyễn Tuấn A**. Buộc bị đơn anh **Nguyễn Viết L** và chị **Nguyễn Thị M** cắt dỡ phần mái trên không diện tích 6,2m² để trả lại phần đã lấn chiếm cho anh **Nguyễn Tuấn A**, tại thửa đất số 366, tờ bản đồ số 41 với diện tích 98,4m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 418628 cấp ngày 21/9/2021 mang tên **Nguyễn Tuấn A**, được xác lập bởi các vị trí toạ độ như sau: Điểm 01 (tọa độ X 2015131.17; Y 523408.42); điểm 02 (tọa độ X 2015114.26; Y 523404.36); điểm 03 (tọa độ X 2015114.53; Y 523404.86); điểm 04 (tọa độ X 2015122.31; Y 523406.57); điểm 05 (tọa độ X 2015123.89; Y 523406.90) điểm 06 (tọa độ X 2015131.16; Y 523408.95) (có sơ đồ thẩm định xác định toạ độ, các cạnh kèm theo).

3. Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc anh **Nguyễn Viết L** và chị **Nguyễn Thị M** phải nộp số tiền: 8.204.000 đồng về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản để trả cho anh **Nguyễn Tuấn A**.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. 4. Về án phí: Buộc bị đơn anh **Nguyễn Viết L** và chị **Nguyễn Thị M** phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí (ông **Nguyễn Tiến D** nộp thay), theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000216, ngày 13/10/2025.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và nghĩa vụ của các bên trong thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 6/7/2026, anh **Nguyễn Viết L** làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì lý do ranh giới đất của hai gia đình đã được các bên xác định từ trước và không có tranh chấp gì; quá trình gia đình anh **L** xây nhà và các công trình diễn ra công khai gia đình anh **Nguyễn Tuấn A** đều biết nhưng không có ý kiến gì, thậm chí ông **Nguyễn Tiến D** là cha của anh **Nguyễn Tuấn A** còn tham gia giảng dạy xác định mốc giới cho gia đình anh **L** xây dựng. Tuy nhiên quá trình đo vẽ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 2 gia đình không đúng với ranh giới, hiện trạng sử dụng nên dẫn đến anh **Nguyễn Tuấn A** cho rằng gia đình anh **L** chiếm đất. Bởi vậy bản án sơ thẩm căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không căn cứ vào nguồn gốc, hiện trạng, ranh giới sử dụng từ trước đến nay để xử chấp nhận yêu cầu của anh **Nguyễn Tuấn A** là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh **Nguyễn Viết L** tiếp tục giữ nguyên các nội dung kháng cáo, còn ông **Nguyễn Tiến D** đại diện cho anh **Nguyễn Tuấn A** không đồng ý với kháng cáo của anh **Nguyễn Viết L**, ngoài ra còn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc vợ chồng anh **Nguyễn Viết L** – chị **Nguyễn Thị M** phải cắt dỡ một phần móng nhà để trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của anh **Nguyễn Tuấn A**.

Phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, vị đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Các hành vi và các quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo.

[2]. Xét kháng cáo của anh **Nguyễn Viết L**:

Thửa đất của vợ chồng anh **Nguyễn Viết L** – chị **Nguyễn Thị M** có nguồn gốc mua lại của người khác và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 654623 ngày 14/11/2019 của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H** (cũ) mang tên anh **Nguyễn Viết L** và chị **Nguyễn Thị M**. Hiện trạng khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa xây nhà và các công trình khác, không có hàng rào ngăn cách với thửa đất của anh **Nguyễn Tuấn A**. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong thời hạn khiếu nại do pháp luật về khiếu nại quy

đình, vợ chồng anh Nguyễn Viết L – chị Nguyễn Thị M không có khiếu nại gì, kể cả khiếu nại về việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp có đúng ranh giới, hiện trạng hay không.

Còn thửa đất của anh Nguyễn Tuấn A có nguồn gốc được bỏ của anh Nguyễn Tuấn A là ông Nguyễn Tiến D mua của người khác sau đó tặng cho anh Nguyễn Tuấn A. Anh Nguyễn Tuấn A đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 418628 ngày 21/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H (cũ). Vị trí thửa đất anh Nguyễn Tuấn A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm tiếp giáp liền kề ở phía Tây của thửa đất của vợ chồng anh Nguyễn Viết L – chị Nguyễn Thị M. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất của anh Nguyễn Tuấn A cũng chưa có hàng rào hoặc công trình, mốc giới khác làm ranh giới với thửa đất của vợ chồng anh Nguyễn Viết L – chị Nguyễn Thị M.

Như vậy, thửa đất của vợ chồng anh Nguyễn Viết L – chị Nguyễn Thị M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước, thửa đất của anh Nguyễn Tuấn A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau. Khi chính quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hiện trạng đất của cả 2 bên vẫn chưa có hàng rào hoặc công trình, mốc giới nào khác làm ranh giới trên thực địa và trong thời hạn khiếu nại do pháp luật về khiếu nại quy định cả 2 bên đều không có khiếu nại nào đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, kể cả khiếu nại về ranh giới thể hiện trong các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cho đến năm 2023 vợ chồng anh Nguyễn Viết L – chị Nguyễn Thị M mới bắt đầu xây nhà và các công trình khác hình thành nên ranh giới trên thực địa. Ranh giới trên thực địa này hình thành sau khi cả 2 bên đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho nên ranh giới đất giữa 2 bên phải được xác định theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, không xác định theo ranh giới hình thành trên thực địa. Vợ chồng anh L – chị M trình bày ranh giới trên thực địa đã có trước khi 2 bên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được 2 bên thống nhất thừa nhận nhưng không cung cấp được bằng chứng để chứng minh, cho nên lời trình bày của vợ chồng anh L – chị M không được chấp nhận.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lập ngày 19/01/2026 thì nhà của vợ chồng anh Nguyễn Viết L – chị Nguyễn Thị M có đồ bê tông lợp mái ngói xâm lấn qua ranh giới xác định theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sang phần không gian phía trên thửa đất của anh Nguyễn Tuấn A với diện tích 6,2m². Vì vậy, bản án sơ thẩm quyết định vợ chồng anh Nguyễn Viết L – chị Nguyễn Thị M phải tháo dỡ phần mái xâm lấn qua đó để trả lại không gian trên đất cho anh Nguyễn Tuấn A là có cơ sở, đúng với quy định tại Điều 11; Điều 26; khoản 1 Điều 31; Điều 236 Luật Đất đai; các Điều 155; 156; 158, 163, 164, 166, 174, 175, 288 Bộ luật Dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, về quyền kháng cáo của các đương sự, về quyền và nghĩa vụ của các bên trong thi hành án dân sự đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và pháp luật về thi hành án dân sự.

Ông **Nguyễn Tiến D** đại diện cho anh **Nguyễn Tuấn A** yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc vợ chồng anh **Nguyễn Viết L** – chị **Nguyễn Thị M** phải cắt dỡ một phần móng nhà để trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho anh **Nguyễn Tuấn A**, nhưng yêu cầu này Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết do nguyên đơn rút yêu cầu, quyết định đình chỉ giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm hoàn toàn đúng với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219 Bộ luật tố tụng dân sự và không bị kháng cáo, kháng nghị, do đó yêu cầu của ông **Nguyễn Tiến D** không được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

Từ các phân tích nêu trên, xét thấy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh **Nguyễn Viết L**. Tuy nhiên, bản án phúc thẩm điều chỉnh lại một số cách dùng từ ngữ, cấu trúc ngữ pháp trong bản án sơ thẩm để đảm bảo tính chặt chẽ, dễ hiểu, dễ thi hành của bản án.

[3]. Về án phí phúc thẩm:

Anh **Nguyễn Viết L** không được chấp nhận kháng cáo, cho nên phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà anh **L** đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Vì các lẽ trên quyết:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của anh **Nguyễn Viết L**, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2026/DS-ST ngày 26/6/2026, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Tĩnh.

Áp dụng khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11, Điều 26, khoản 1 Điều 31, Điều 236 Luật Đất đai năm 2024; Các Điều 155; 156; 158, 163, 164, 166, 174, 175, 288 Bộ luật Dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24; Khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh **Nguyễn Tuấn A** về việc buộc bị đơn là vợ chồng anh **Nguyễn Viết L** - chị **Nguyễn Thị M** phải dỡ bỏ một phần móng nhà để trả lại cho anh **Nguyễn Tuấn A** 0,34m² đất đã lấn chiếm. Anh **Nguyễn Tuấn A** có quyền khởi kiện ra Tòa án để giải quyết lại yêu cầu này trong một vụ án khác.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Nguyễn Tuấn A**. Buộc bị đơn anh **Nguyễn Viết L** và chị **Nguyễn Thị M** phải cắt dỡ một phần mái nhà của mình với diện tích 6,2m² để trả lại không gian trên đất đã lấn chiếm cho anh **Nguyễn Tuấn A** tại thửa đất số 366 tờ bản đồ số 41, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 418628 ngày 21/9/2021 của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H** (cũ) mang tên **Nguyễn Tuấn A**. Vị trí, kích thước, diện tích phần mái nhà phải cắt dỡ được xác lập bởi các mốc tọa độ như sau: Điểm 01 (tọa độ X 2015131.17; Y 523408.42); điểm 02 (tọa độ X 2015114.26; Y 523404.36); điểm 03 (tọa độ X 2015114.53; Y 523404.86); điểm 04 (tọa độ X 2015122.31; Y 523406.57); điểm 05 (tọa độ X 2015123.89; Y 523406.90) điểm 06 (tọa độ X 2015131.16; Y 523408.95) (có sơ đồ thẩm định xác định tọa độ, các cạnh kèm theo).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc anh **Nguyễn Viết L** và chị **Nguyễn Thị M** phải liên đới thanh toán cho anh **Nguyễn Tuấn A** số tiền: 8.204.000 đồng (tám triệu hai trăm linh bốn nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản mà anh **Nguyễn Tuấn A** đã nộp tạm ứng để chi trả trước.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn anh **Nguyễn Viết L** và chị **Nguyễn Thị M** phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn anh **Nguyễn Tuấn A** số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông **Nguyễn Tiến D** đã thay mặt anh **Nguyễn Tuấn A** nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000216, ngày 13/10/2025.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc anh **Nguyễn Viết L** phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà anh **Nguyễn Viết L** đã nộp tại Thi hành án dân sự

tỉnh Hà Tĩnh theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000092 ngày 21/07/2026. Tiền án phí dân sự phúc thẩm anh **Nguyễn Viết L** đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND, VKSND, THADS sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ; VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hoàng Ngọc Tùng